TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2020/DS-PT
Ngày 30 - 07 – 2020
V/v tranh chấp đòi quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Nguyệt

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 07 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2020/TLPT-DS ngày 01 tháng 06 năm 2020 về "Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 22 tháng 04 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 70/2020/QĐ-PT ngày 17 tháng 06 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1954 (có mặt).

Cư trú: Ấp Do T, xã Vĩnh M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1929

Cư trú: Ấp Do T, xã Vĩnh M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông G: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971; Cư trú: Ấp Do T, xã Vĩnh M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1946 (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1971 (có mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1972 (vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1979 (vắng mặt).

5. Bà Huỳnh Kim X, sinh năm 1979 (vắng mặt).

6. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp Do T, xã Vĩnh M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Huỳnh Thị Đ trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của mẹ chồng bà là bà Nguyễn Thị L cho vợ chồng bà cách đây khoảng trên 30 năm, với diện tích ngang 07m, dài 24m, phần đất này bà chưa đăng ký kê khai quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, vợ chồng bà có trồng 03 cây Dừa làm ranh đất với ông Nguyễn Văn G, lúc trồng Dừa cũng như sử dụng thì ông G không có ý kiến gì, nhưng đến khoảng tháng 10 năm 2018, ông G cho rằng ranh đất là sát vách nhà bà nên không cho bà sử dụng và phát sinh tranh chấp đến nay. Hiện trạng đất tranh chấp trước đây là con mương nhỏ, đây là con mương chung giữa đất của bà với đất ông G, hiện nay con mương đã lạng, nhưng cây Dừa được trồng trên bờ mương phía đất của gia đình bà. Nếu phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế có phần nào nằm trong quyền sử dụng đất của ông G thì bà đồng ý để cho ông G sử dụng và bà cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì. Nay bà yêu cầu ông G trả cho bà quyền sử dụng đất với diện tích qua đo đạc thực tế là 63,2m^2 đất toạ lạc tại ấp Do T, xã Vĩnh M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn G và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn T3 (cha ông Nguyễn Văn G) cho ông G quản lý, sử dụng hơn 40 năm, đất của bà Đ và ông G liền kề nhau, trước đây hai bên có cây Trâm Bầu làm ranh ở hướng đầu lộ vô nhưng hiện nay cây Trâm Bầu không còn nên bà Đ cho rằng ông G lấn ranh đất là không đúng. Phần đất của ông G đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã thế chấp vay vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Cây Dừa trên đất tranh chấp là do bà Đ trồng khoảng 15 năm nhưng là trồng trên đất của ông G, do đó ông G không đồng ý đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

Đối với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện H có văn bản không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 22/04/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 165, Điều 228, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 ; Điều 203 Luật đất đai năm 2013 ; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Đ đối với ông Nguyễn Văn G.

Buộc ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn T2, bà Huỳnh Kim X và ông Nguyễn Văn S trả lại cho bà Huỳnh Thị Đ diện tích là 40,2m^2, tại thửa 313, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp Do T, xã Vĩnh M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có tuyên tứ cạnh kèm theo).

Trên phần đất tranh chấp có 02 cây Dừa đang cho trái và 01 cây Dừa chưa cho trái (do bà Đ trồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Đ đối với ông Nguyễn Văn G đòi diện tích là 23m^2, tại thửa số 314, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp Do T, xã Vĩnh M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có tuyên tứ cạnh kèm theo).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, về áp dụng Luật thi hành án trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15 tháng 05 năm 2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Đ về việc đòi ông Nguyễn Văn G trả diện tích đất qua đo đạc thực tế là 63,2m^2. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn T1 rút một phần kháng cáo đối với diện tích đất 23m^2, ông T1 chỉ kháng cáo đối với diện tích đất 40,2m^2 yêu cầu buộc bà Đ trả đất cho ông G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết, Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1 đối với diện tích đất 23m^2; căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 22/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, nghe ý kiến trình bày tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1 nộp trong hạn luật định và có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ, nên được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn T2, bà Huỳnh Kim X và ông Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Diện tích đất tranh chấp theo kết quả đo đạc thực tế ngày 28/06/2019 và Mảnh trích đo địa chính ngày 01/07/2019, thể hiện như sau:

Đối với phần đất thứ nhất:

Hướng Đông giáp đất tranh chấp có số đo 23m;

Hướng Tây giáp đất bà Huỳnh Thị Đ sử dụng có số đo 23m;

Hướng Nam giáp lộ xi măng 03m có số đo 1,5m;

Hướng Bắc giáp phần đất chưa xác định được chủ sử dụng giữa ông Hồ Minh V và ông Nguyễn Văn G có số đo 02m.

Diện tích 40,2m^2 tại thửa 313, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp Do T, xã Vĩnh M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Trên phần đất tranh chấp có 03 cây Dừa (đang cho trái 02 cây, chưa cho trái 01 cây).

Đối với phần đất thứ hai:

Hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Văn G có số đo 23m;

Hướng Tây giáp phần đất tranh chấp có số đo 23m;

Hướng Nam giáp lộ xi măng 03m có số đo 01m;

Hướng Bắc giáp phần đất chưa xác định được chủ sử dụng giữa ông Hồ Minh V và ông Nguyễn Văn G có số đo 01m.

Diện tích 23m^2, tại thửa 314, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp Do T, xã Vĩnh M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Đ xác định phần đất tranh chấp có nguồn gốc của mẹ chồng bà là bà Nguyễn Thị L cho vợ chồng bà cách nay trên 30 năm, bà sử dụng liên tục, nhưng chưa kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, cách nay khoảng 15 năm bà có trồng hàng Dừa để làm ranh đất. Còn người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn T1 xác định phần đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn T3 là cha của ông Nguyễn Văn G cho lại ông G cách nay trên 40 năm, ông G quản lý sử dụng và có kê khai đăng ký được cấp quyền sử dụng đất năm 2003. Bà Đ có trồng 04 cây Dừa trên đất của ông, phần đất này ông đang quản lý.

[6] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 thấy rằng: Quá trình quản lý và sử dụng phần đất tranh chấp bà Đ xác định bà đã quản lý, sử dụng phần đất này hơn 30 năm, trên đất bà Đ có trồng 03 cây Dừa, sự việc này được người đại diện theo ủy quyền của ông G là ông T thừa nhận, thời điểm đó ông G biết nhưng không ngăn cản hay có ý kiến gì đối với việc bà Đ trồng cây trên đất tranh chấp.

Tại Công văn số 57/CN.VPĐK ngày 20/7/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H xác định phần diện tích đất 40,2m^2, đất thuộc thửa 313, tờ bản đồ số 7 hiện chưa ai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng được kê khai tên Hồ Minh V sổ mục kê đất đai được thành lập năm 1997.

Tại biên bản xác minh ông Hồ Minh V ngày 22/7/2020 xác định: Bà Đ là chị dâu thứ 5 của ông, phần đất tranh chấp tại thửa 313, tờ bản đồ số 7 có nguồn gốc là của mẹ ông bà Nguyễn Thị L, mẹ ông có kê khai đăng ký tên ông trên sổ mục kê, nhưng thực tế ông không có quản lý, sử dụng mà do bà Đ quản lý, sử dụng, ông không có ý kiến gì trong vụ án này; trường hợp Tòa án xét xử tuyên phần đất này là của bà Đ hay ông G thì ông cũng không có ý kiến gì.

Phần đất tranh chấp có diện tích 40,2m^2 tại thửa 313, tờ bản đồ số 7 có nguồn gốc của mẹ chồng bà Đ cho vợ chồng bà Đ và bà Đ đã quản lý, sử dụng trên 30 năm. Đối với ông G xác định phần đất tranh chấp diện tích 40,2m^2 là thuộc quyền sử dụng của ông, nhưng ông G không có quản lý sử dụng, không kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, ngoài ra ông G không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của ông.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1, có căn cứ chấp nhận phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 22/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[8] Đối với diện tích đất 23m^2 tại thửa số 314, tờ bản đồ số 7, tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn T1 rút yêu cầu kháng cáo. Xét thấy, việc rút kháng cáo của ông T1 là tự nguyên, không trái quy định pháp luật. Căn cứ Điều 284, Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với diện tích đất 23m^2 là phù hợp.

[9] Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyên Văn T1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 284, Điều 289 của Bộ

luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật Đất đai 2013; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 22 tháng 04 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Đ đối với ông Nguyễn Văn G.

Buộc ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn T2, bà Huỳnh Kim X, ông Nguyễn Văn S trả cho bà Huỳnh Thị Đ diện tích đất 40,2m^2, tại thửa 313, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp Do T, xã Vĩnh M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Đất có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp đất tranh chấp có số đo 23m;

Hướng Tây giáp đất bà Huỳnh Thị Đ sử dụng có số đo 23m;

Hướng Nam giáp lộ xi măng 03m có số đo 1,5m;

Hướng Bắc giáp phần đất chưa xác định được chủ sử dụng giữa ông Hồ Minh V và ông Nguyễn Văn G có số đo 02m.

Trên phần đất tranh chấp có 03 cây Dừa (đang cho trái 02 cây, chưa cho trái 01 cây).

Bà Huỳnh Thị Đ có quyền đăng ký, kê khai cấp quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Đ đối với ông Nguyễn Văn G đòi diện tích đất 23m^2, tại thửa số 314, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp Do T, xã Vĩnh M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Đất có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Văn G có số đo 23m;

Hướng Tây giáp phần đất tranh chấp có số đo 23m;

Hướng Nam giáp lộ xi măng 03m có số đo 01m;

Hướng Bắc giáp phần đất chưa xác định được chủ sử dụng giữa ông Hồ Minh V và ông Nguyễn Văn G có số đo 01m.

Kèm theo bản án là mảnh trích đo địa chính ngày 01/7/2019.

3. Đình chỉ xét xử một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1 đối với diện tích đất 23m^2, tại thửa 314, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp Do T, xã Vĩnh M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

4. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 730.000 đồng, bà Huỳnh Thị Đ và ông Nguyễn Văn G mỗi người phải chịu 365.000 đồng. Bà Đ đã nộp 730.000 đồng và đã chi hết; ông G phải có nghĩa vụ trả cho bà Đ số tiền 365.000 đồng.

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Bà Huỳnh Thị Đ và ông Nguyễn Văn G mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Bà Huỳnh Thị Đ đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0014701 ngày 15/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí. Ông Nguyễn Văn G phải nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T1 phải chịu 300.000 đồng. Ông Nguyễn Văn T1 đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006181 ngày 15/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thanh Dũng